

Số: 848 /TTMS-NVD

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

THƯ CHẤP THUẬN
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG

HỎA TỐC

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Vắcxin và Sinh phẩm số 1

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-TTMS ngày 18/11/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá (sau đây gọi tắt là gói thầu cung cấp vắc xin), Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây gọi tắt là Chủ đầu tư) thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận Hồ sơ đề xuất, giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐ-TTMS nêu trên và trao thỏa thuận khung cho Quý nhà thầu để thực hiện gói thầu cung cấp vắc xin với giá trị Thỏa thuận khung là 74.148.245.820 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi đồng), thời gian thực hiện Thỏa thuận khung là tối đa 75 ngày, thời gian thực hiện hợp đồng là tối đa 75 ngày và trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Quý nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết thỏa thuận khung với Chủ đầu tư tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, số 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, Hà Nội theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện Thỏa thuận khung: Từ ngày 21/11/2025 đến ngày 25/11/2025.

- Thời gian ký kết Thỏa thuận khung: Từ ngày 21/11/2025 đến ngày 25/11/2025, gửi kèm theo Dự thảo thỏa thuận khung.

Thời gian cụ thể và trường hợp Quý nhà thầu không thể thu xếp để tiến hành hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung theo kế hoạch nêu trên thì xin liên hệ Ds. Nguyễn Thị Thu Trang, Phòng Nghiệp vụ Dược số điện thoại 0352288967 để bố trí phù hợp.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương theo Mẫu số 22 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền không thấp hơn 2.224.447.375 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm hai mươi tư triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng) và thời gian hiệu lực là 95 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Quý nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn



thiện, ký kết thoả thuận khung và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết thoả thuận khung với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày 28/11/2025 mà Quý nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Do tính chất cấp bách của gói thầu, Trung tâm đề nghị Quý nhà thầu hợp tác, khẩn trương hoàn thành các nội dung nêu trên trong thời gian sớm nhất có thể để đảm bảo cung ứng vắc xin cho Chương trình tiêm chủng mở rộng.

Trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Đức Luận (để b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, NVD.



GIÁM ĐỐC 

Lê Thành Công



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THỎA THUẬN KHUNG

Số: /TTK-ĐPG-VX

V/v cung cấp vắc xin thuộc gói Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-BYT ngày 12/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-BYT ngày 07/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao đầu mối thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ của Đơn vị mua sắm tập trung cấp Quốc gia, đàm phán giá cho các đơn vị thuốc, trực thuộc Bộ Y tế, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 3674/QĐ-BYT ngày 04/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-TTMS ngày 04/9/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-TTMS ngày 22/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTMS ngày 14/10/2025 của Giám đốc Trung tâm về việc phê duyệt Danh sách thuốc đáp ứng kỹ thuật đối với nhà thầu có tư cách hợp lệ, đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm và có thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTMS ngày /11/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số /TTMS-NVD ngày /2025 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Văn bản số /CV-VABIOTECH ngày /2025 của Công ty TNHH MTV Vắcxin và Sinh phẩm số 1 về việc phúc đáp thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất;

Hôm nay, ngày tháng 11 năm 2025, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây gọi tắt là Trung tâm)

- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

- Mã số thuế: 0107828325

- Đại diện là: ông Lê Thành Công

- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm

II. Nhà thầu:

- Tên nhà thầu: Công ty TNHH MTV Vắcxin và Sinh phẩm số 1 (sau đây gọi tắt là Nhà thầu)

- Địa chỉ: Số 1 phố Yersin, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: (024) 3 9717710

- E-mail: hungpv@vabiotech.com.vn

- Tài khoản: _____ tại Ngân hàng _____ chi nhánh _____

- Mã số thuế: 0101066021

- Đại diện là: ông Phạm Văn Hùng

- Chức vụ: Chủ tịch

Giấy ủy quyền ký Thỏa thuận khung số _ ngày tháng năm (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp vắc xin theo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là mặt hàng và số lượng vắc xin trúng thầu theo Quyết định số /QĐ-TTMS ngày /11/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập

trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương sẽ ký hợp đồng để cung ứng vắc xin.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với Nhà thầu theo Thỏa thuận khung này là: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương (sau đây gọi tắt là Bên mua).

- Nhà thầu giao hàng làm một hoặc nhiều đợt theo quy định trong hợp đồng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung. Đảm bảo giao toàn bộ vắc xin trước ngày 25/12/2025, tuân thủ đầy đủ, đúng các thủ tục, quy định hiện hành và đáp ứng đầy đủ các điều kiện khác theo đơn đặt hàng của Bên mua. Bên mua gọi giao hàng, dự trữ số lượng vắc xin tùy theo nhu cầu thực tế; Nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với Bên mua được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho nhu cầu sử dụng.

- Địa điểm giao hàng: Giao tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

3. Giá trị thỏa thuận khung và mức giá trần tương ứng giá hàng hóa:

- Giá trị thỏa thuận khung: 74.148.245.820 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi đồng).

- Đơn giá, giá vắc xin trong hợp đồng được ký kết giữa Bên mua và Nhà thầu không vượt giá trúng thầu tại Quyết định số /QĐ-TTMS ngày /11/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2025 thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá.

4. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

4.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Vắc xin cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Tại thời điểm giao hàng, vắc xin phải có hạn dùng còn lại đảm bảo tối thiểu 03 tháng kể từ ngày 31/12/2026.

- Vắc xin phải được đóng gói, bảo quản, dán nhãn theo đúng quy định chuyên ngành và tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói vắc xin đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển vắc xin từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm vắc xin không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ

nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Vắc xin phải được đóng gói đúng yêu cầu, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chần kiện); còn nguyên nhãn, mác (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng. Nhãn trên bao bì đóng gói thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của nhà nước về nhãn mác.

- Với các vắc xin lẻ (không đủ điều kiện đóng thùng) nhà thầu cần đóng gói theo đúng các nguyên tắc GDP khi giao nhận, vận chuyển.

- Có Giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp cho mỗi lô vắc xin khi giao hàng, có giấy báo lô và hạn dùng của vắc xin (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của Bên mua. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được.

- Thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của Thỏa thuận khung.

4.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Bên mua ký hợp đồng với Nhà thầu thực hiện thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng theo tiến độ giao hàng của Nhà thầu.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

- Điều kiện thanh toán: Chi phí vắc xin được xem là đủ điều kiện thanh toán khi vắc xin đã được giao đủ cho Bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.

4.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Nhà thầu giao hàng, xuất hóa đơn, nghiệm thu, thanh lý trước ngày 25/12/2025.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành:

- Vắc xin cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi vắc xin trong trường hợp vắc xin đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bên mua.

- Kiểm tra, thử nghiệm vắc xin thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của Thỏa thuận khung.

6. Trách nhiệm của Nhà thầu cung cấp hàng hóa:

- Ký hợp đồng mua bán vắc xin với Bên mua theo mặt hàng và số lượng trúng thầu. Trong đó, Nhà thầu có trách nhiệm:

+ Liên hệ với Bên mua để ký kết hợp đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

+ Hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Bên mua trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản (bản giấy/điện tử) đề nghị ký kết hợp đồng của Bên mua.

+ Gửi bản quét (scan) hợp đồng đã ký với Bên mua về Cục Phòng bệnh và Trung tâm (địa chỉ email: nghepvduoc.ncdp@gmail.com) trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Cung ứng kịp thời, đầy đủ số lượng vắc xin, đúng tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng vắc xin, đúng chủng loại với đơn giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Giám đốc Trung tâm phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm và yêu cầu được nêu trong Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của Thỏa thuận khung và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu và Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu (*đính kèm bản cam kết của Nhà thầu*).

- Thực hiện điều tiết vắc xin, báo cáo theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế) và hướng dẫn của Cục Phòng bệnh.

7. Trách nhiệm của Bên mua:

- Bên mua có trách nhiệm căn cứ Thỏa thuận khung và các quy định về đấu thầu để hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Nhà thầu theo nguyên tắc giá trong hợp đồng không được vượt giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm phê duyệt và Thỏa thuận khung đã được Trung tâm công bố. Trong đó, Bên mua có trách nhiệm:

+ Yêu cầu Nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng bằng văn bản (bản giấy/điện tử) kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực nhưng tối đa không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn của Trung tâm.

+ Phối hợp với Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày có văn bản (bản giấy/điện tử) đề nghị ký kết hợp đồng của Bên mua.

- Thời gian thực hiện gói thầu: tối đa 75 ngày và trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: tối đa 75 ngày và trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng vắc xin trong công tác tiêm chủng theo quy định.

- Thanh toán kịp thời và thanh lý hợp đồng với Nhà thầu cung ứng vắc xin theo quy định của pháp luật, quy định tại Thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.

- Báo cáo Trung tâm trong trường hợp nhà thầu đã ký Thỏa thuận khung nhưng không ký hợp đồng.

- Thực hiện điều tiết vắc xin, báo cáo theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế) và hướng dẫn của Cục Phòng bệnh.

8. Trách nhiệm của Cục Phòng bệnh:

- Chỉ đạo, hướng dẫn Bên mua thực hiện việc lập kế hoạch nhu cầu sử dụng vắc xin và giám sát, hướng dẫn điều tiết vắc xin, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế), theo thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết.

- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp vắc xin cho Bên mua để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo quy định tại thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết và thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của Bên mua.

- Trường hợp nhà thầu không cung ứng đầy đủ số lượng vắc xin và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của Bên mua: Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo từ Bên mua, Cục Phòng bệnh thông báo cho Trung tâm để Trung tâm phối hợp kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp vắc xin (trừ trường hợp Bên mua thanh toán chậm theo quy định).

9. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, công khai Thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của Trung tâm theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và gửi đến Cục Phòng bệnh, Bên mua.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để Nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng với Bên mua.

- Phối hợp với Cục Phòng bệnh giám sát tình hình cung ứng vắc xin của Nhà thầu để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo quy định tại thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết.

- Phối hợp với Cục Phòng bệnh để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp vắc xin và xử lý vi phạm của nhà thầu theo quy định (nếu có).

- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu hoặc trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở Bên mua ký hợp đồng mua vắc xin với Nhà thầu trúng thầu.

- Các bên thống nhất thỏa thuận lại trong trường hợp:

(1) Sửa đổi, bổ sung các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung;

(2) Việc thực hiện Thỏa thuận khung ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và hiệu quả kinh tế của gói thầu.

Việc thỏa thuận lại không thành công thì được hiểu chấm dứt Thỏa thuận khung.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 75 ngày, có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Thỏa thuận khung tự động chấm dứt kể từ ngày Thỏa thuận khung này hết hiệu lực.

11. Xử phạt do vi phạm

Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia và Nhà thầu mỗi bên giữ 02 bản./

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CHỦ TỊCH**

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Hùng

Lê Thành Công

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẮC XIN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Thỏa thuận khung số/ TTK-ĐPG-VX ký ngày/...../.....)

TT	Tên thuốc	Thành phần/Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Tiêu chí kỹ thuật	Hạn dùng	Quy cách đóng gói	Nhà sản xuất, nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Diphtheria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B and Haemophilus influenzae type b Conjugate Vaccine Adsorbed	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu $\leq 25\text{Lf}$ ($\geq 30\text{IU}$); Giải độc tố Uốn ván $\geq 2,5\text{Lf}$ ($\geq 40\text{IU}$); Ho gà (toàn tế bào) $\leq 16\text{OU}$ ($\geq 4\text{IU}$); HBsAg (rDNA) $\geq 10\text{mcg}$; Polysaccharide vỏ vi khuẩn HiB tinh khiết (PRP) cộng hợp với giải độc tố Uốn ván (protein tải) 10mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu $\leq 25\text{Lf}$ ($\geq 30\text{IU}$); Giải độc tố Uốn ván $\geq 2,5\text{Lf}$ ($\geq 40\text{IU}$); Ho gà (toàn tế bào) $\leq 16\text{OU}$ ($\geq 4\text{IU}$); HBsAg (rDNA) $\geq 10\text{mcg}$; Polysaccharide vỏ vi khuẩn HiB tinh khiết (PRP) cộng hợp với giải độc tố Uốn ván (protein tải) 10mcg	890310178100 (SĐK cũ: QLVX-1109-18)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam	30 tháng	Hộp 50 lọ x 0,5ml (1 liều)	Serum Institute of India Pvt. Ltd., Ấn Độ	Lọ	1.909.020	38.841	74.148.245.820
Tổng cộng														74.148.245.820

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Hùng

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC**

Lê Thành Công

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG

(Kèm theo Thỏa thuận khung số/ TTK-ĐPG-VX ký ngày/...../.....)

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư”, “Bên mua” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Thỏa thuận khung” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên mua và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong Hồ sơ đề xuất hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong Hồ sơ đề xuất; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong Hồ sơ đề xuất được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp vắc xin và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT; 1.10. “Thời gian thực hiện hợp đồng” và “Thời gian thực hiện gói thầu” là thời gian kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký được quy định tại ĐKCT.
2. Tài liệu Thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Thỏa thuận khung để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Thỏa thuận khung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục; b) ĐKCT đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện thỏa thuận khung (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung; d) ĐKC; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao Thỏa thuận khung; g) Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ Hồ sơ đề xuất (nếu có) của Nhà thầu;

	h) Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ Hồ sơ đề xuất (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT , Bên mua có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong Hồ sơ đề xuất. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong Hồ sơ đề xuất hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 7.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Bên mua và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Vắc xin phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là

	một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại vắcxin mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại vắcxin đó.
10. Tiến độ cung cấp vắcxin, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp vắcxin phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ vắcxin và dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp vắcxin, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT. 12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp vắcxin và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Thanh toán	14.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Bên mua thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 14.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
15. Quyền tác giả	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến vắcxin mà nhà thầu đã cung cấp cho Bên mua.
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	16.1. Bên mua và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Bên mua cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

	16.2. Bên mua không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên mua cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 16.3. Nghĩa vụ của Bên mua và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Bên mua hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên mua hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 16.4. Các quy định tại Mục 16 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. 16.5. Các quy định tại Mục 16 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Vắc xin được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương V – Phạm vi cung cấp của Hồ sơ yêu cầu.
18. Đóng gói vắc xin	18.1. Nhà thầu sẽ phải đóng gói vắc xin đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển vắc xin từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm vắc xin không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. 18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với vắc xin, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Bên mua.
19. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại ĐKCT , vắc xin cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT .
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển vắc xin và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT .

21. Kiểm tra và thử nghiệm vắc xin	21.1. Bên mua hoặc đại diện của Bên mua có quyền kiểm tra, thử nghiệm vắc xin được cung cấp để khẳng định vắc xin đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 21.2. Bất kỳ vắc xin nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mua có quyền từ chối.
22. Phạt và bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 24 ĐKC, hoặc trừ trường hợp do Bên mua không thanh toán theo đúng quy định dẫn tới ảnh hưởng nguồn tiền của Nhà thầu, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mua có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên mua sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Bên mua có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 27 ĐKC.
23. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng vắc xin	23.1. Nhà thầu bảo đảm rằng vắc xin được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng vắc xin được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của vắc xin. 23.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với vắc xin quy định tại ĐKCT.
24. Bất khả kháng	24.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 24.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 24.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 24.4. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên

	kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
25. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	25.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng (không vượt quá thời điểm hết hiệu lực thỏa thuận khung); d) Thay đổi vắcxin trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 25.2. Bên mua và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
26. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 26.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 26.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 26.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên mua về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Bên mua phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Bên mua đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 26.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
27. Chấm dứt thỏa thuận khung	27.1. Chấm dứt thỏa thuận khung do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm thỏa thuận

	khung khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong thỏa thuận khung trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng ký với Bên mua, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 26 ĐKC; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo thỏa thuận khung, hợp đồng; (iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng; b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung theo điểm a khoản này, Bên mua có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mua các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần thỏa thuận khung không bị chấm dứt. 27.2. Chấm dứt thỏa thuận khung do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt thỏa thuận khung vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, thỏa thuận khung sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt thỏa thuận khung không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
--	---

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG

(Kèm theo Thỏa thuận khung số/ TTK-ĐPG-VX ký ngày/...../.....)

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia; Bên mua: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
ĐKC 1.3	Nhà thầu: Công ty TNHH MTV Vắcxin và Sinh phẩm số 1. Địa chỉ: Số 1 phố Yersin, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: (024) 3 9717710. E-mail: hungpv@vabiotech.com.vn. Tài khoản: _____ tại Ngân hàng _____ chi nhánh _____. Mã số thuế: 0101066021.
ĐKC 1.9	Địa điểm dự án/điểm giao hàng cuối cùng là: Giao hàng tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
ĐKC 1.10	Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 75 ngày và trong thời gian hiệu lực của thỏa thuận khung.
ĐKC 2.2	Tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Các văn bản thỏa thuận được các bên của hợp đồng thống nhất, ký và đóng dấu (nếu có).
ĐKC 4	Bên mua không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Bên mua theo địa chỉ dưới đây: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương Địa chỉ: Số 1 Yec xanh, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 3.971.6356 - Fax: (84-4) 3.821.0853 Email: nihe@nihe.org.vn
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên mua đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu số 22 Chương VIII của Hồ sơ yêu cầu hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. - Đối với lựa chọn nhà thầu tập trung, Nhà thầu trúng thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho từng đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc cho tổng số phần mà nhà thầu ký hợp đồng theo mẫu được quy định trong

	Hồ sơ yêu cầu. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 95 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực. Bảo đảm thực hiện hợp đồng bản gốc được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả trong vòng 20 ngày sau khi bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không có
ĐKC 8.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu đưa tranh chấp ra Tòa án các cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết theo quy định hiện hành. Mọi chi phí để giải quyết tranh chấp tại Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển vắc xin: - Hóa đơn bán hàng theo quy định. - Bảng xác nhận theo dõi nhiệt độ của hàng hoá đã giao trong khoảng thời gian từ lúc đóng hàng tại kho của bên bán đến khi giao hàng tại kho bảo quản của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. - Giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp cho mỗi lô vắc xin khi giao hàng. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi tiếp nhận vắc xin, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: 74.148.245.820 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi đồng).
ĐKC 13	Điều chỉnh thuế: không được phép

ĐKC 14.1	Việc thanh toán giá trị vắc xin được thực hiện giữa Bên mua và nhà thầu. - Thanh toán bằng chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng theo tiến độ giao hàng của nhà thầu. - Thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu. - Điều kiện thanh toán: Chi phí vắc xin được xem là đủ điều kiện thanh toán khi vắc xin đã được giao đủ số lượng cho Bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.
ĐKC 18.1	Đóng gói vắc xin: - Vắc xin phải được đóng gói, bảo quản theo đúng quy định chuyên ngành và tiêu chuẩn của nhà sản xuất; - Vắc xin phải được đóng gói đúng yêu cầu, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chẵn kiện); còn nguyên nhãn, mác (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng. Nhãn trên bao bì đóng gói thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của nhà nước về nhãn mác. - Với các vắc xin lẻ (không đủ điều kiện đóng thùng) nhà thầu cần đóng gói theo đúng các nguyên tắc GDP khi giao nhận, vận chuyển.
ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng - Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng, số lượng và các trách nhiệm khác có liên quan đến toàn bộ hàng hóa trong hợp đồng. Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường các mất mát, tổn thất, hỏng, vỡ trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng. Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hại đến người bệnh do sử dụng vắc xin của nhà thầu cung cấp thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường về vật chất và tinh thần cho người bệnh theo sự thỏa thuận giữa Bên mua, nhà thầu với người bệnh.
ĐKC 20	Yêu cầu về vận chuyển vắc xin: - Quy trình vận chuyển vắc xin theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng vắc xin trong quá trình vận chuyển. - Phải đảm bảo điều kiện bảo quản và chất lượng hàng hoá trong toàn bộ quá trình vận chuyển từ kho của bên bán cho tới khi hàng được giao tại kho bảo quản vắc xin của Bên mua trong giới hạn nhiệt độ từ +2°C đến +8°C theo đúng yêu cầu của dây chuyền lạnh trong bảo quản vắc xin và sinh phẩm y tế theo quy định hiện hành, phải có nhiệt kế/thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ (có chứng nhận/tem hiệu chuẩn) kèm theo khi giao hàng. Nếu nhiệt độ bảo quản của vắc xin đã giao không nằm trong giới hạn quy định thì Bên mua

	có quyền trả lại toàn bộ lô hàng đã nhận cho nhà thầu mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào. - Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho Bên mua bằng xác nhận theo dõi nhiệt độ của hàng hóa đã giao trong khoảng thời gian từ lúc đóng hàng tại kho của bên bán đến khi giao hàng tại kho bảo quản của Bên mua. Nếu nhiệt độ của hàng đã giao không nằm trong giới hạn quy định thì Bên mua có quyền trả lại toàn bộ lô hàng cho Nhà thầu mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào. Các yêu cầu khác: - Vắc xin phải được vận chuyển theo đúng điều kiện vận chuyển, bảo quản và phải đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, tránh đổ, vỡ, hư hỏng. Trong trường hợp vắc xin do nhà thầu cung cấp không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, không đạt chất lượng, thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm thu hồi và cung cấp lại vắc xin đạt kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu và nội dung thông tin Hồ sơ đề xuất đã trúng thầu. - Bên mua thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mua bán vắc xin với nhà thầu về những yêu cầu khác trong vận chuyển và các dịch vụ phát sinh (nếu có).
ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm vắc xin: Bên mua hoặc đại diện của bên mua có quyền kiểm tra để khẳng định vắc xin có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng hay không. Nội dung, thời gian địa điểm kiểm tra, cách thức tiến hành kiểm tra trong quá trình giao nhận vắc xin: - Trước khi giao hàng: Nhà thầu phải có Giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp cho mỗi lô vắc xin khi giao hàng. - Khi nhận hàng: Kiểm tra 100% hàng hóa có niêm phong của nhà sản xuất. Kiểm tra xác suất 10% hàng hóa có niêm phong của nhà sản xuất về nhiệt độ bảo quản vắc xin khi bàn giao hàng hoá cho Bên mua. - Sau khi nhận hàng: sau khi giao nhận hàng hóa, nếu có vấn đề về chất lượng, Bên mua có trách nhiệm thông báo cho Nhà thầu để giải quyết. - Thời gian kiểm tra: Tại thời điểm giao, nhận hàng. - Địa điểm kiểm tra: Kho của Bên mua. - Cách thức tiến hành kiểm tra: Theo đúng các quy định về kiểm nhập vắc xin hiện hành.
ĐKC 22	Mức khấu trừ: 0,1%/ngày Mức khấu trừ tối đa: 8% giá trị hợp đồng.
ĐKC 23.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với vắc xin: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng (nếu có).
ĐKC 23.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Tại thời điểm giao hàng, vắc xin phải có hạn dùng còn lại đảm bảo tối thiểu 03 tháng kể từ ngày 31/12/2026.

	- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin phát sinh trong quá trình sử dụng vắc xin: + Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện, Bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin phát sinh trong quá trình sử dụng vắc xin; + Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua, Nhà thầu phải có văn bản trả lời và đề xuất phương án tiến hành khắc phục vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, vắc xin kém chất lượng, phản ứng có hại của vắc xin nếu liên quan đến trách nhiệm của nhà thầu.
ĐKC 25.1 (đ)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trường hợp vắc xin trúng thầu có thay đổi trong quá trình cung ứng, Chủ đầu tư được xem xét để nhà thầu thay thế vắc xin nhằm bảo đảm cung ứng đủ vắc xin phục vụ kịp thời công tác tiêm chủng của đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
ĐKC 26.4	Các trường hợp khác: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng (nếu có)